

QUAN HỆ VIỆT-NGA

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ ĐÁNG NHỚ

LÊ THANH VẠN

Nguyên Tham tán Đại sứ quán Việt Nam tại Liên bang Nga

Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

Việt Nam và Liên bang Nga có mối quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời. Tính đến nay, năm 2017, mối quan hệ Việt Nam – Liên bang Nga đã trải qua hơn 67 năm. Trong quan hệ song phương, tính tới những sự kiện to lớn, có ý nghĩa lịch sử diễn ra ở cả 2 nước trong gần bảy thập kỷ qua, thì đó quả là có nhiều điều cần phân tích để mọi người, nhất là thế hệ trẻ ở cả hai nước hiểu lịch sử và thực chất của các sự kiện trong quan hệ hai nước, trên cơ sở đó tiếp tục giữ gìn, củng cố và phát triển mạnh hơn nữa quan hệ Việt - Nga. Đối với giới chuyên gia nghiên cứu lịch sử Việt Nam và Nga, thì câu thành ngữ Nga: “Không có ai bị lãng quên và không có điều gì bị lãng quên” quả rất đáng lưu tâm.



Tổng thống Nga Vladimir Putin tiếp Chủ tịch nước Trần Đại Quang tại điện Kremlin, ngày 29-6-2017.

I. Những mốc son của chặng đường dài lịch sử

Nếu tính từ thời điểm thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức giữa Việt Nam và Liên bang Nga cho đến nay thì mới chỉ có 67 năm, nhưng nếu nói về cội nguồn của mối quan hệ Việt-Nga thì nó đã bắt nguồn từ rất lâu, có thể tính từ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Đã có nhiều sự kiện chứng tỏ hai nước có mối bang giao từ rất sớm, chẳng hạn, chiến hạm *Avrora* (Rạng đông) nổi tiếng của nước Nga Sa Hoàng trong cuộc chiến tranh Nga-Nhật (1904-1905), đã từng ghé cảng biển ở miền Nam Việt Nam để lấy nước ngọt, thực phẩm và cho thủy thủ đoàn nghỉ ngơi. Ngoài ra đã có một số nhà thám hiểm người Nga từng đặt chân đến Việt Nam và sau đó đã để lại những trang ký sự có giá trị về một miền đất có khí hậu nhiệt đới ẩm áp, quanh năm cây cối xanh tươi với những người dân bản xứ cần cù, yêu lao động và rất mến khách này.

Về phía Việt Nam, nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc, trên đường bôn ba đi tìm đường cứu nước, đã từng đến Liên Xô, đất nước của Lênin vĩ đại từ năm 1924 (tiếc rằng khi Người đến Mátxcova, thì V.I. Lênin đã qua đời, nên mơ ước của Người được gặp Lênin đã không thực hiện được). Tiếp sau đó, trong những năm 30 của thế kỷ XX, nhiều người con ưu tú của cách mạng Việt Nam, trong đó có Nguyễn Thi Minh Khai, Lê Hồng Phong, Nguyễn Khánh Toàn... đã theo học Trường Quốc tế Cộng sản ở Mátxcova, nay là Viện Phương Đông, Viện Hàn lâm khoa học Liên bang Nga.

Khi nói về quan hệ Việt-Nga, sẽ là không đầy đủ, nếu không nhắc tới một sự kiện rất có ý nghĩa. Trong cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô chống phát-xít Đức (1941-1945), đã có 6 người Việt Nam tham gia trận chiến đấu bảo vệ thành phố Mátxcova (1941), như bảo vệ chính thủ đô của nước mình. Đó là các sinh viên Việt Nam đang theo học tại các trường đại học ở Mátxcova. Nhiều người trong số họ đã anh dũng hy sinh trong

chiến đấu chống phát-xít Đức vì Mátxcova, vì nước Nga vĩ đại. Có thể nói, tất cả những điều kể trên và nhiều sự kiện tương tự khác nữa diễn ra trong quan hệ Việt-Nga là những mốc son chói lọi tô thắm lịch sử quan hệ hai nước, làm nền tảng vững chắc để mối quan hệ song phương này tiếp tục trường tồn và phát triển trong tương lai.

1. Thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Liên bang Cộng hòa XHCN Xô viết và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là yếu tố góp phần quan trọng cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam giành được thắng lợi hoàn toàn

Chiến thắng của Liên Xô trong Chiến tranh thế giới II tiêu diệt chủ nghĩa phát xít Đức ở châu Âu và đập tan chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản ở châu Á đã tạo điều kiện thuận lợi cho một loạt nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam đứng lên đấu tranh vì độc lập dân tộc. Tận dụng thời cơ có một không hai trong lịch sử này, ngay trước tháng 8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ thị: “Dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn, cũng phải quyết giành cho được độc lập”. Đảng, quân đội và toàn thể nhân dân Việt Nam đã thực hiện đúng lời huấn thị của Người và cuộc Cách mạng Tháng 8 năm 1945 đã thành công, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2-9-1945), nay là nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Tuy nhiên, thế và lực của cách mạng nước ta lúc đó còn yếu, đồng thời thực dân Pháp được đế quốc Mỹ ủng hộ vẫn chưa muốn từ bỏ hệ thống thuộc địa một cách dễ dàng, nên chúng lại đem quân xâm lược nước ta một lần nữa. Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam buộc phải tiến hành một cuộc chiến tranh cách mạng đầy hy sinh, gian khổ kéo dài tới 9 năm. Chỉ cho đến khi quân đội ta giành được thắng lợi hoàn toàn với chiến thắng Điện Biên Phủ

vào tháng 5-1954, thực dân Pháp mới chịu từ bỏ tư tưởng thống trị của chúng ở Việt Nam và buộc phải rút quân về nước. Đánh giá ý nghĩa to lớn của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, nhà thơ Tố Hữu đã thể hiện bằng văn thơ bất hủ: “Lừng lẫy Điện Biên, chấn động địa cầu”.

Thắng lợi lịch sử Điện Biên Phủ trước hết là do nỗ lực, sự hy sinh vô bờ bến và trí tuệ của nhân dân Việt Nam, nhưng đồng thời cũng phải thừa nhận rằng sự ủng hộ và giúp đỡ quốc tế của nhân dân các nước anh em, trước hết là Liên Xô và Trung Quốc đã đóng vai trò cực kỳ quan trọng. Việc Liên Xô, Trung Quốc và các nước trong hệ thống các nước XHCN đầu thập kỷ 50 thế kỷ XX công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam là sự kiện vô cùng quan trọng, động viên nhân dân ta cả về tinh thần, và tiếp sau đó là sự giúp đỡ thiết thực về vật chất, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc đi đến thắng lợi, đưa miền Bắc đi lên con đường xây dựng CNXH, làm chỗ dựa vững chắc cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc sau này.

2. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam không tách rời sự ủng hộ to lớn và sự giúp đỡ quý báu của các nước XHCN, đứng đầu là Liên Xô và toàn thể loài người tiến bộ trên toàn thế giới

Sau khi ký kết Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Đông Dương (7-1954), mặc dù thực dân Pháp đã buộc phải rút quân về nước, nhưng chỉ miền Bắc Việt Nam, từ vĩ tuyến 17 trở ra là giành được độc lập. Bởi vì, thế chân thực dân Pháp, đế quốc Mỹ lại nhảy vào miền Nam Việt Nam. Trên thực tế, suốt hơn 20 năm sau đó, nhân dân Việt Nam cùng một lúc phải tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược, một mặt xây

dựng CNXH ở miền Bắc, mặt khác tiến hành cuộc chiến tranh chính nghĩa, giải phóng dân tộc ở miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Thể hiện nguyện vọng của nhân dân ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”. Và nhân dân miền Bắc XHCN đã tiến hành một cuộc trường chinh chưa từng có trong lịch sử để thực hiện sứ mệnh trong cuộc đấu tranh cùng đồng bào miền Nam đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào, thống nhất đất nước.

Trong cuộc “đụng đầu lịch sử” với kẻ thù xâm lược mạnh về vật chất, quân sự gấp nhiều lần, nhân dân Việt Nam đã phải chịu đựng hy sinh vô cùng lớn lao. Tuy nhiên, Đảng đã kết hợp được sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, bao gồm cả ba “dòng thác cách mạng” để tạo thành sức mạnh tổng hợp nhằm đảm bảo cho cách mạng của Việt Nam đi đến thắng lợi hoàn toàn. Đảng đã vận dụng cách đánh giặc của cha ông, nâng thành tầm lý luận của chiến tranh cách mạng bách chiến, bách thắng: “Đánh lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn”. Và trên thực tế tư duy độc đáo có một không hai này của đồng chí Lê Duẩn, nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng, người học trò trung thành của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đã được thực hiện một cách xuất sắc.

Những năm 60 và 70 của thế kỷ XX, cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam đang diễn ra ác liệt trên chiến trường thì ở các nước trên thế giới, trước hết là ở Liên Xô đã diễn ra một phong trào ủng hộ Việt Nam rộng lớn chưa từng có. Chính phủ Liên Xô đã dành sự viện trợ to lớn dưới nhiều hình thức, kể cả không hoàn lại cho cuộc chiến đấu của nhân dân ta với những mặt hàng quan trọng như vũ khí, đạn dược, từ súng trường tự động huyền thoại “Kalashnikov” (AK), pháo, xe vận tải Zil, đến các loại vũ khí hạng nặng nổi tiếng như xe tăng

T-54, tên lửa SAM, máy bay chiến đấu MIG-21... những thứ vũ khí để bảo vệ miền Bắc XHCN và giải phóng miền Nam. Đồng thời, tại nước Nga và ở tất cả các nước cộng hòa của Liên Xô lúc đó các tổ chức xã hội như Ủy ban ủng hộ Việt Nam, Ủy ban bảo vệ hòa bình, Ủy ban đoàn kết Á-Phi của Liên Xô, Hội hữu nghị Xô-Việt và nhiều tổ chức xã hội, đoàn thể khác nữa đã liên tục tổ chức các hoạt động như mít tinh ủng hộ “nhân dân Việt Nam anh hùng”, nhiều đợt quyên góp ủng hộ các trường học của Việt Nam theo tinh thần của “chủ nghĩa quốc tế vô sản”. Những sinh viên Việt Nam học tập ở Liên Xô lúc đó, nhiều lần cảm động đến ứa nước mắt vì những cử chỉ đẹp, thương yêu của người dân Liên Xô thông qua các thầy cô giáo đối với sinh viên Việt Nam. Cảm giác rằng những người dân Liên Xô là “người trong một nhà”, vì họ vui với niềm vui của Việt Nam, buồn với những nỗi buồn của Việt Nam. Cõi nỗi đau của Việt Nam là nỗi đau của mình, nhà thơ K. Simonov đã thể hiện sáng rõ nhất điều này khi viết về Việt Nam: “Чужого горя не бывает” đã được nhà thơ Tố Hữu của chúng ta chuyển thể chân thực sang tiếng Việt “Không nỗi đau nào riêng của ai” và phát triển thành một khổ thơ hoàn chỉnh về tình hữu nghị và lòng biết ơn của chúng ta đối với bầu bạn, anh em, trong đó có nhân dân Liên Xô.

Những lời tuyên bố của Tổng Bí thư Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô L. I. Brêgionép, đã làm rung động trái tim của biết bao thế hệ người Việt Nam: “Đối với những người cộng sản và toàn thể nhân dân Liên Xô, tình đoàn kết với Việt Nam luôn luôn là mệnh lệnh của trái tim và trí tuệ”. Đó thực sự là niềm tin và chỗ dựa vững chắc, sự động viên và khích lệ lớn lao cho nhân dân Việt Nam quyết tâm chiến đấu, giành độc lập hoàn toàn và thống nhất Tổ quốc.

Đáp lại, để bày tỏ lòng biết ơn chân thành của nhân dân Việt Nam đối với nhân dân Liên Xô,

đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã nói với các nhà lãnh đạo Liên Xô trong chuyến thăm vào tháng 7-1973, sau khi Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết: “Tục ngữ Việt Nam có câu: “Uống nước nhớ nguồn”. Trong niềm vui chiến thắng hôm nay, Đảng Lao động Việt Nam và nhân dân Việt Nam càng nhớ đến công hiến quan trọng của Đảng Cộng sản Liên Xô và nhân dân Liên Xô đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam trong gần nửa thế kỷ qua. Từ những ngày đầu, khi cách mạng Việt Nam còn trong trứng nước cho đến những ngày chiến thắng vẻ vang, đặc biệt trong công cuộc chống Mỹ, cứu nước và xây dựng CNXH, Đảng, Chính phủ và nhân dân Liên Xô với tinh thần quốc tế cao cả luôn luôn đứng bên cạnh nhân dân Việt Nam, dành cho nhân dân Việt Nam sự ủng hộ chí tình trước sau như một, sự giúp đỡ khẳng khái đầy tình nghĩa anh em”.

3. Sự giúp đỡ to lớn về vật chất và kỹ thuật của Liên Xô đã góp phần tạo dựng nền móng cho nền kinh tế của Việt Nam

Sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao, Liên bang Xô viết, đã dành sự giúp đỡ to lớn cho nhân dân Việt Nam trong việc đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học-kỹ thuật có trình độ cao rất cần cho các giai đoạn phát triển của đất nước sau này¹. Đối với nhân dân Việt Nam, tình hữu nghị truyền thống với Liên Xô trước đây và với Liên bang Nga ngày nay là tài sản vô giá cần phải được trân trọng giữ gìn và phát huy từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Thực vậy, nhân dân Liên Xô không chỉ kề vai sát cánh cùng nhân dân Việt Nam, dành cho nhân dân ta sự ủng hộ to lớn và sự giúp đỡ quý báu trong cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ giành độc lập tự do của Tổ quốc, mà còn giúp đỡ chúng ta một cách có hiệu quả trong công cuộc hàn gắn



vết thương chiến tranh, xây dựng cơ sở vật chất ban đầu của CNXH ở Việt Nam. Đặc biệt trong giai đoạn 10 năm sau ngày thống nhất đất nước (1975-1985), với sự giúp đỡ về tài chính và kỹ thuật của Liên Xô, hàng loạt công trình then chốt của nền kinh tế Việt Nam đã được xây dựng, trong đó nổi bật nhất là xí nghiệp Liên doanh dầu khí Vietsovpetro ở Bà Rịa-Vũng Tàu; Nhà máy Thủy điện Hòa Bình trên sông Đà với công suất gần 2 triệu kw; Nhà máy Thủy điện Trị An ở miền Nam, Nhà máy nhiệt điện Phả Lại, Nhà máy xi măng Bỉm Sơn ở Thanh Hóa; cầu Thăng Long ở Hà Nội v.v... Hiện nay, những công trình này nếu so với những công trình khác mà chúng ta hợp tác với nước ngoài để xây dựng, thì ở những khía cạnh nào đó không bằng, cả về công xuất cũng như tính năng hiện đại, nhưng nếu đặt chúng vào thời điểm khi chúng ta vừa trải qua cuộc chiến tranh tàn phá nặng nề, đồng thời Việt Nam bị bao vây cấm vận, thì những công trình mà Liên Xô giúp chúng ta xây dựng quả thực có ý nghĩa sống còn, vô cùng quan trọng đối với nền kinh tế của chúng ta không những chỉ vào thời điểm lúc đó, mà còn đối với nhiều năm về sau này.

II. Quan hệ Việt-Nga: hôm nay và ngày mai

Hậu quả của những biến cố lịch sử diễn ra ở Liên Xô vào cuối những năm 80, đầu những năm 90 của thế kỷ XX đã dẫn tới sự tan rã của một cường quốc vĩ đại. Sau thập kỷ 90 của thế kỷ XX và thập niên kỳ đầu của thế kỷ XXI, lao đao với cuộc khủng hoảng kinh tế nặng nề chưa từng có, đồng thời lại phải chống trời với chủ nghĩa ly khai đầy hiểm nguy. với những nỗ lực vượt bậc. nước Nga đã từng bước ổn định và vươn lên mạnh mẽ cùng với sự xuất hiện trên chính trường V.V. Putin – một chính khách mới, niềm hy vọng của nhân dân Nga.

Trong thời kỳ đó, quan hệ kinh tế-thương mại và nhiều mối quan hệ khác của nước Nga với

nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam đã suy giảm mạnh mẽ. Nhưng sau đó, cùng với việc nước Nga tái phục hưng, quan hệ song phương Việt-Nga cũng từng bước được cải thiện và phát triển trở lại.

1. Những nguyên tắc mới- nền tảng của quan hệ Việt-Nga

Một là, trong lĩnh vực chính trị-quân sự: nguyên tắc bình đẳng, tin cậy luôn chiếm vị trí hàng đầu.

Khi V. Putin trở thành Tổng thống Liên bang Nga (đầu năm 2000), chiến lược đối ngoại của Nga có nhiều điều chỉnh, mà nổi bật là Nga đã triển khai chính sách đối ngoại theo hướng cân bằng Đông – Tây, tức là trong khi tiếp tục duy trì và mở rộng quan hệ với các nước Phương Tây, Nga đồng thời coi trọng hơn quan hệ với các nước bạn bè đồng minh cũ ở Phương Đông. Ngay trong năm đầu làm Tổng thống, V. Putin đã tiến hành thăm chính thức một loạt nước bạn bè truyền thống cũ, trong đó có Việt Nam.

Chuyến thăm chính thức Việt Nam đầu tiên của Tổng thống V. Putin diễn ra từ ngày 28-2 đến 2-3-2001 đạt được nhiều kết quả quan trọng, trong đó quan trọng nhất là hai bên ra Tuyên bố về việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược. Có thể nói việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược năm 2001 đã đánh dấu một mốc son chói lọi trong sự phát triển quan hệ hữu nghị truyền thống Việt-Nga, nâng mối quan hệ này lên một bước phát triển mới về chất.

Đáng chú ý, sau hơn một thập kỷ hai nước có nhiều nỗ lực to lớn nhằm triển khai mạnh mẽ mối quan hệ song phương cả về bề rộng lẫn bề sâu, quan hệ Việt - Nga đã được nâng lên một tầm cao mới - *Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện*, điều đã được ghi nhận trong Tuyên bố chung do Chủ tịch nước Trương Tấn Sang và Tổng Thống V. Putin cùng ký trong chuyến thăm chính thức Liên bang Nga của Chủ tịch vào tháng 7-2012. Việc

đưa quan hệ đối tác chiến lược Việt-Nga thành đối tác chiến lược toàn diện năm 2012 phản ánh bước phát triển mới về chất của mối quan hệ hợp tác toàn diện Việt-Nga, thể hiện quyết tâm của lãnh đạo 2 nước triển khai mạnh mẽ, có hiệu quả đối tác chiến lược trong tất cả các lĩnh vực của hợp tác song phương.

So với những giai đoạn trước đây, các cuộc gặp cấp cao của lãnh đạo hai nước Việt Nam và Liên bang Nga đã thường xuyên được tổ chức. Từ năm 2001 đến 2017, Tổng thống V. Putin đã thăm Việt Nam tới 03 lần, cựu Tổng thống và nay là Thủ tướng D. Medvedev đã thăm nước ta 02 lần, còn các nhà lãnh đạo cấp cao nhất của Việt Nam cũng đều đã thăm Liên bang Nga. Riêng hai Bộ ngoại giao của hai nước còn có cơ chế gặp nhau thường xuyên hàng năm ở cấp thứ trưởng ngoại giao để trao đổi về những vấn đề chiến lược và phối hợp hoạt động trên trường quốc tế.

Đặc điểm nổi bật của mối quan hệ song phương Việt-Nga từ sau khi Liên Xô tan rã là đã có sự thay đổi tổng thể, không còn dựa trên cơ sở của ý thức hệ nữa mà là trên nguyên tắc tin cậy lẫn nhau và đôi bên cùng có lợi. Thủ tướng Nga D. Medvedev đánh giá: “Nga và Việt Nam là những người bạn thân thiết và là đối tác chiến lược của nhau”. Tiến sỹ G. Lokshin, chuyên gia phân tích chính trị quốc tế người Nga nhận xét về tính chất của mối quan hệ Nga-Việt hiện nay: “Đó tuyệt nhiên không phải là liên minh quân sự. Đó là sự phối hợp hành động chung, thống nhất nỗ lực chung theo những mục tiêu xây dựng phát triển chung, tìm ra giải pháp cho những vấn đề chung, cùng đối phó với những thách thức chung của thời đại”.

Phân tích quan hệ Việt-Nga cần nhấn mạnh rằng sự hợp tác Nga-Việt còn được thể hiện trong những lĩnh vực “nhạy cảm” như an ninh, quốc phòng. Liên Xô trước đây, và nước Nga hiện nay vẫn là đối tác đáng tin cậy nhất của chúng ta trong

việc cung cấp những phương tiện kỹ thuật - quân sự hiện đại, kể cả tàu ngầm, rất cần thiết cho việc bảo đảm an ninh của Việt Nam. Đồng thời, cũng chính nước Nga sẵn sàng hợp tác với chúng ta trong các lĩnh vực khoa học-công nghệ mới, hiện đại ngang tầm thế giới.

Việt Nam và Liên bang Nga, mặc dù mỗi nước có những hoàn cảnh riêng của mình, song hai nước có chung quan điểm về những vấn đề quốc tế lớn. Chẳng hạn, lập trường của Nga về vấn đề giải quyết các tranh chấp lãnh thổ tại Châu Á - Thái Bình Dương nói chung và ở Biển Đông nói riêng đã được thể hiện rõ trong Tuyên bố chung trong chuyến thăm chính thức Liên bang Nga của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tháng 7-2012 như sau: “Hai Bên cho rằng các tranh chấp lãnh thổ và các tranh chấp khác tại không gian Châu Á-Thái Bình Dương cần được giải quyết chỉ bằng biện pháp hòa bình, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, trên cơ sở luật pháp quốc tế hiện hành, nhất là Hiến Chương Liên hợp quốc và Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Hai Bên ủng hộ việc thực thi đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông năm 2002 và tiến tới sớm xây dựng Bộ quy tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông”.

Một vấn đề quan trọng nữa của bất cứ cuộc gặp cấp cao Việt-Nga nào cũng được đề cập, đó là vấn đề cộng đồng người Việt ở Liên bang Nga và cộng đồng người Nga ở Việt Nam. Lãnh đạo hai nước ghi nhận sự đóng góp to lớn của các công dân Việt Nam đang làm việc và học tập tại Nga và của công dân Nga đang làm việc và học tập tại Việt Nam vào việc duy trì, củng cố và tăng cường mối quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác toàn diện giữa hai nước; thoả thuận tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cộng đồng người Việt Nam tại Nga và cộng đồng người Nga tại Việt Nam học tập, làm việc ở mỗi nước, phù hợp với luật pháp

của mỗi nước và quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt-Nga.

Hai là, trong lĩnh vực kinh tế - thương mại: nguyên tắc cùng có lợi là nguyên tắc cơ bản, chỉ đạo mọi hoạt động.

Hiện nay kim ngạch thương mại hai chiều Việt - Nga vẫn còn ở mức rất khiêm tốn, khoảng 4-5 tỷ USD, nhưng đó là bước tiến lớn nếu so với khoảng 200-300 triệu USD vào đầu thập kỷ 90 của thế kỷ. Đồng thời hai bên đặt mục tiêu phấn đấu để đến năm 2020 đạt 10 tỷ USD.

Đi sâu phân tích tính chất của mối quan hệ trong lĩnh vực này, cho thấy rằng cơ chế của mối quan hệ đã được thay đổi một cách căn bản, từ chỗ xin-cho, một chiều từ phía Liên Xô/Nga trước đây là chủ yếu, nay là bình đẳng, có đi - có lại, hai chiều cùng có lợi. Cơ chế này đã bắt đầu vận hành có hiệu quả, điển hình là trong lĩnh vực hợp tác khai thác dầu khí, khi Việt Nam đã mạnh dạn đầu tư vào Nga và được phía Nga tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam tham gia vào hợp tác khai thác một vài mỏ dầu, khí ở vùng Sibiri của Liên bang Nga. Việt Nam là đối tác nước ngoài duy nhất (tính tới thời điểm hiện nay) được phía Nga áp dụng chính sách ưu tiên này.

Đáng chú ý, thời gian gần đây, trong bối cảnh nước Nga đang bị các nước phương Tây cấm vận và những “đòn trả đũa” của Nga, các doanh nghiệp Nga bắt đầu chú ý nhiều hơn tới thị trường Việt Nam, coi đây là nơi có thể nhập các mặt hàng mà Nga đang cần. Cuối tháng 10-2014, nhiều doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực công nghệ cao của Nga như Angstrom, BOLID, Vineta, Siberi - Sibtekhnomash, Ekra, Công ty “Trung tâm hệ thống an ninh đồng bộ - Yug” và Viện Nghiên cứu “ATOLL” đã tới Việt Nam để thúc đẩy Dự án khoa học - kỹ thuật: “Nga - Việt Nam: Nền kinh tế mới”. Đây là hoạt động đầu tiên trong khuôn khổ Dự án đổi mới công nghệ cao dài hạn

được Ủy ban Khoa học và Công nghệ cao thuộc Viện Duma Quốc gia Liên bang Nga và Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường do Quốc hội Việt Nam bảo trợ nhằm thúc đẩy quan hệ đầu tư, thương mại và hợp tác song phương Việt-Nga. Trước đó, dù chưa nhiều nhưng đã có một số tập đoàn có tiếng của Nga tham gia vào các dự án lớn tại Việt Nam trong nhiều lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế, trong đó có 2 tập đoàn lớn của Nga là Rosneft và Gazprom Neft đang xem xét khả năng mua 49% cổ phần nhà máy lọc dầu Dung Quất nhằm tham gia hiện đại hóa nhà máy này. Hiện tại Zarubezhneft hợp tác hiệu quả với PetroVietnam tại Công ty liên doanh Vietsovpetro và đang cung cấp 85% nguyên liệu dầu thô cho nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Về phía Việt Nam, các doanh nghiệp Việt Nam cũng đang chủ động tìm kiếm cơ hội ở thị trường Nga. Đầu tháng 10-2014, Công ty Cổ phần Thủy sản Hùng Vương đã ký kết vay BIDV 400 tỷ đồng và 12 triệu USD để tài trợ cho hoạt động xuất nhập khẩu, xây dựng kho lạnh, kho ngoại quan và nhà máy chế biến thủy sản tại Liên bang Nga. Theo thông tin sơ bộ từ doanh nghiệp, cá tra và các sản phẩm thủy hải sản của Việt Nam sẽ có khả năng được bán rộng rãi tại 84 tỉnh thành ở Nga thay vì chỉ bán tại Mátxcơva như trước đây.

Dựa trên những kinh nghiệm hoạt động trước đây của các doanh nghiệp Việt Nam ở Nga và các nước SNG, không ít trường hợp mang tính chất, “manh mún”, “tranh mua, tranh bán” với nhau, thì bối cảnh mới vừa là cơ hội, nhưng đồng thời cũng vừa là thách thức đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Câu hỏi đặt ra là liệu các doanh nghiệp Việt Nam có đủ khả năng thu mua ở trong nước với khối lượng lớn các mặt hàng có chất lượng cao để cung cấp cho một thị trường to lớn như thị trường Nga hay không? Và liệu ta có đủ phương tiện chuyên dụng để vận chuyển

các mặt hàng, nhất là rau quả và hải sản sang Nga mà không bị hư hỏng hay không? Để làm được điều này, chúng ta cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, giữa các doanh nghiệp theo một lộ trình có tính toán kỹ lưỡng với sự tham gia chỉ đạo, điều phối của Chính phủ thì mới có thể biến cơ hội này thành hiện thực. Trong bối cảnh Việt Nam đã ký kết Hiệp định thương mại tự do với Liên minh Hải quan, Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển thương mại với các nước trong khu vực này, nhất là với Liên bang Nga.

2. Bước phát triển mới trong quan hệ Việt-Nga

Chuyến thăm Liên bang Nga và Belarus của Chủ tịch nước Trần Đại Quang diễn ra từ ngày 28-6 đến 1-7-2017 có ý nghĩa hết sức quan trọng, khẳng định vị thế của Việt Nam trong hội nhập, nhưng đồng thời cũng khẳng định vị thế của Liên bang Nga với tư cách là một cường quốc trên thế giới mà không thể vắng mặt trong bất cứ vấn đề gì mà thế giới đang quan tâm. Chuyến thăm nhằm tiếp tục triển khai đường lối đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ, củng cố và tăng cường quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, tạo xung lực thúc đẩy hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Chuyến thăm diễn ra trong bối cảnh quan hệ hữu nghị truyền thống và đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam – Liên bang Nga có độ tin cậy cao và không ngừng được củng cố, ngày càng đi vào chiều sâu và hiệu quả với nội hàm ngày càng phong phú; khẳng định hai bên tiếp tục phối hợp hành động và ủng hộ lẫn nhau tại các diễn đàn quốc tế và khu vực, đáp ứng lợi ích của hai nước Việt Nam – Liên bang Nga. Trong khuôn khổ chuyến thăm chính thức Nga, Chủ tịch nước Trần Đại Quang và Tổng thống Vladimir Putin đã thông qua Tuyên bố chung chiều 29-6-2017, đồng

thời chứng kiến lễ ký kết nhiều hiệp định và hợp đồng kinh tế Việt-Nga trong nhiều lĩnh vực hợp tác với trị giá lên tới 10 tỷ đôla Mỹ. Hai bên thể hiện quyết tâm đưa kim ngạch hai chiều đến năm 2020 đạt 10 tỷ đôla so với khoảng 5 tỷ hiện nay.

Giữ gìn và phát huy mối quan hệ truyền thống tốt đẹp giữa hai dân tộc khởi nguồn từ đầu thế kỷ XX, được thử thách và tôi luyện qua các cuộc chiến tranh giành độc lập và thống nhất Tổ quốc của nhân dân Việt Nam, tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Liên bang Nga ngày càng được củng cố và phát triển trên các nguyên tắc đôi bên cùng có lợi, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, tôn trọng độc lập, chủ quyền của mỗi nước vì hòa bình, an ninh ở khu vực cũng như trên toàn thế giới. Hiện nay và trong tương lai lâu dài về sau, các mối quan hệ Việt Nam – Liên bang Nga, đang đòi hỏi phải tăng tốc hơn nữa, đổi mới về hình thức, làm sâu sắc về nội dung góp phần đưa quan hệ Việt-Nga lên các tầm cao mới, tiếp tục phát triển có hiệu quả nhằm đáp ứng lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình và ổn định ở khu vực và trên thế giới.

1. Trong các thập kỷ từ 50 đến 80 của thế kỷ XX, Liên Xô đã giúp Việt Nam xây dựng hàng loạt công trình công nghiệp to lớn trong nhiều ngành như điện lực, khai thác dầu mỏ, khai khoáng, giao thông vv.. tạo thành nền tảng vững chắc cho nền kinh tế Việt Nam, và là cơ sở để Việt Nam tiếp tục phát triển. Cũng trong khoảng thời gian đó, Liên Xô đã giúp Việt Nam đào tạo khoảng trên 50 nghìn cán bộ khoa học có trình độ cao, từ cư nhân đến tiến sỹ khoa học.